

Số: /TB-TTSNC

An Hải, ngày tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Niêm yết danh sách yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính trên Website
UBND phường An Hải (lần 2) đối với hộ kinh doanh tại chợ Hà
Thân, An Hải Bắc, An Hải Đông, Phước Mỹ**

Căn cứ Quyết định 01/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hải về việc thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND phường An Hải; Quyết định 137/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND phường An Hải về ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hải, Thực hiện Kế hoạch số 198/TB-TTSNC ngày 19/9/2025 của Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường An Hải về Kế hoạch Tổ chức đợt cao điểm rà soát, xử lý, thu hồi nợ đọng tại các chợ trên địa bàn phường An Hải.

Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường An Hải thông báo niêm yết danh sách yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hộ kinh doanh tại 04 chợ Hà Thân, An Hải Đông, An Hải Bắc, Phước Mỹ cụ thể như sau:

1. Niêm yết danh sách tiểu thương

Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thực hiện niêm yết danh sách các hộ tiểu thương trên Website UBND phường An Hải, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hộ kinh doanh tại các chợ Hà Thân, An Hải Đông, An Hải Bắc, Phước Mỹ (*Phụ lục danh sách đính kèm*) để các cơ quan, đơn vị và toàn thể người dân trên địa bàn được biết.

2. Thời gian niêm yết

Từ lúc 14 giờ 00 ngày 05 tháng 12 năm 2025

3. Địa điểm niêm yết

Trang Website UBND phường An Hải.

Trên đây là Thông báo niêm yết danh sách các hộ tiểu thương phải thực hiện nghĩa vụ tài chính tại các chợ Hà Thân, An Hải Đông, An Hải Bắc, Phước Mỹ trên trang Website UBND phường An Hải của Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường An Hải./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Chuyên viên Quản lý chợ;
- Lưu; VT, QLC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Tấn Phước

Phụ lục
DANH SÁCH HỘ TIỂU THƯƠNG CHẤM NỘP NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-TTSNC, ngày /12/2025
của Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phướng An Hải)

Chợ Hà Thân

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
1	Trần Thị Hiền	Tổ 18A, An Hải, ĐN	21	Rau hành	414.600	07/2025.
2	Nguyễn Thị Hoà	Tổ 75T,Sơn Trà, ĐN	47	Cá	651.000	05/2025.
3	Đỗ Thị Thúy Kiều	Tổ 24A, An Hải, ĐN	106	Gia vị	226.400	08/2025.
4	Đặng Thị Diễm	Số 40 Nguyễn Văn Siêu, An Hải, ĐN	20	Áo quần	732.900	03/2025.
5	Đặng Thị Diễm	Số 40 Nguyễn Văn Siêu, An Hải, ĐN	21	Áo quần	732.900	03/2025.
6	Đặng Thị Diệu	Tổ 04B, An Hải, ĐN	51	Giày dép	837.600	02/2025.
7	Đặng Thị Diệu	Tổ 04B, An Hải, ĐN	52	Giày dép	837.600	02/2025.
8	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Tổ 14A, An Hải, ĐN	73	Giày dép	314.100	07/2025.
9	Huỳnh Thị Kim Hà		1B	Uốn tóc	3.458.000	03/2025.
10	Phạm Thị Trúc Phương		26	Cá	2.083.200	06/2024.
11	Phạm Thị Thanh	Tổ 06A, An Hải, ĐN	84	Thịt	2.343.600	04/2024.
12	Nguyễn Thị Thoa		28	Thịt Gia Cầm	6,510,000	09/2021.
13	Huỳnh Thị Hường	Tổ 11A, An Hải, ĐN	45	Cá	4,296,600	02/2023.
14	Lê Thị May		51	Cá	5,728,800	03/2022.
15	Huỳnh Thị Hoa		61	Cá	5,468,400	05/2022.
16	Lê Thị Lan		102	Rau hành	8,844,800	07/2020.
17	Lê Thị Thu Hồng		110	Ăn uống	6,526,800	10/2021.
18	Đỗ Thị Vinh	Thôn 5A Câu Hà Điện Ngọc, ĐN	112	Rau hành	7,186,400	07/2021.
19	Lê Thị Mãi		122	Thịt	7,933,800	06/2020.
20	Nguyễn Thị Thu Lan		27	Ăn uống	8,026,200	04/2018.
21	Nguyễn Thị Hàn Châu	Tổ 21C, An Hải, ĐN	67	Thịt	2,994,600	12/2023.
22	Võ Thị Nhân	Tổ 10B, An Hải, ĐN	21	Gạo	6,678,800	12/2020.
23	Đặng Văn Trung		8B	Uốn tóc	7,410,000	07/2023.

Chợ Phước Mỹ

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
1	Phùng Thị Hương	Tổ 92 An Hải, ĐN	24	Thịt heo	989,000	12/2024.

2	Nguyễn Thị Xuân	43 Đông Du, tổ 39 An Hải, ĐN	F10	Cá	549,720	04/2025.
3	Đặng Thị Sa	Kiệt 572/63 Ông Ích Khiêm, ĐN	G3	Cá	3,420,000	08/2022.
4	Phan Thị Mừng	Tổ 36C, An Hải, ĐN	G9	Tôm	824,580	01/2025.
5	Nguyễn Thị Thu Độ	Điện Dương, Điện Bàn Đông, ĐN	H6	Cá	3,600,000	06/2022.
6	Lữ Thị Thanh Chinh	Tổ 16C An Hải, ĐN	H9	Tôm	3,060,000	12/2022.
7	Đặng Thị Sương	Số 33 Phước Mỹ 3, An Hải, ĐN	1	Giải khát	5,569,200	06/2021.
8	Lê Thị Quý (Lan)		11	Ăn uống	6,747,300	07/2020.
9	Trương Thị Kim Dương	Số 24 An Nhơn 7, An Hải, ĐN	16	Bún chả cá	1,713,600	06/2024.
10	Ngô Thị Chơn	Tổ 87T, Sơn Trà, ĐN	17	Giải khát	856,800	02/2025.
11	Ngô Thị Mỹ	Tổ 85 phường An Hải, ĐN	18	Ăn uống	963,900	01/2025.
12	Nguyễn Thị Tĩnh	Tổ 01B, phường An Hải, ĐN	19	Giải khát	1,071,000	12/2024.
13	Trương Thị Phi		2	Giải khát	6,961,500	05/2020.
14	Lê Thị Liên	Tổ 14A, An Hải, ĐN	20	Ăn uống	1,713,600	06/2024.
15	Lê Thị Liên	Số 32 An Mỹ 2, ĐN	22	Ăn uống	1,713,600	06/2024.
16	Phạm Anh Tuấn	Số 16 Nguyễn Thiện Thuật, Hải Châu, ĐN	24	Ăn uống	4,069,800	08/2022.
17	Lê Thị Hoa	Tổ 100 An Hải, ĐN	26	Ăn uống	321,300	07/2025.
18	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Tổ 15C An Hải, ĐN	27	Giải khát	2,034,900	03/2024.
19	Nguyễn Văn Như	Tổ 90 An Cư, An Hải, ĐN	28	Ăn uống	1,071,000	12/2024.
20	Hồ Thị Bích Châu	Số 33 Mỹ Khê 1, An Hải, ĐN	29	Giải khát	214,200	08/2025.
21	Phan Thị Quỳnh Lan		9	Ăn uống	4,391,100	05/2022.
22	Lê Thị Lệ		39	Cá	540,000	04/2025.
23	Nguyễn Thị Năm	Tổ 15 Hòa Thọ Tây, ĐN	14	Bánh ít	381,000	05/2025.
24	Nguyễn Thị Hiệp	K62 Nguyễn Phan Vinh, ĐN	22	Đậu khuôn	3,120,000	06/2021.
25	Nguyễn Thị Diễm Thu	Tổ 3 Ấp 4 Suối Dây, Tân Đông, Tây Ninh	24	Hành tỏi	2,340,000	07/2022.
26	Võ Thị Nga	Tổ 19 An Hải, ĐN	26	Hành tỏi	1,440,750	05/2024.
27	Trần Thị Hòa	Tổ 12 Tân An, Sơn Trà, ĐN	B6	Trứng	7,395,000	09/2017.
28	Đinh Thị Hoàng Yến	Tổ 26C An Hải, ĐN	G12	Rau hành	1,527,500	09/2024.
29	Nguyễn Thị Thông (Luu)	Tổ 35C An Hải, ĐN	D6	Thịt heo	2,696,400	06/2023.
30	Hồ Thị Diễm Lập	P.305/ An Cư 5, An Hải, ĐN	D31	sành sứ, nhựa	276,000	08/2025.
31	Hồ Thị Diễm Lập	P.305/ An Cư 5, An Hải, ĐN	E31	Sành sứ	276,000	08/2025.

32	Trần Thị Thu Giang (chứa hàng) (Đường)		A0	Chứa hàng	6,356,000	02/2021.
33	Nguyễn Thị Thúy Nga		A12	Giày dép	5,880,000	02/2023.
34	Đỗ Thị Cúc (Lan)		B12	Giày dép	4,260,000	02/2023.
35	Nguyễn Đình Ngọc Lan		C12	Giày dép	4,260,000	02/2023.
36	Nguyễn Đình Ngọc Lan	K14/41 Phùng Khắc Hoan, ĐN	D12	Giày dép	4,260,000	02/2023.
37	Nguyễn Thị Thúy Nga		E12	Giày dép	5,880,000	02/2023.
38	Nguyễn Lê Tiến		F12	Giày dép	4,860,000	02/2023.
39	Nguyễn Thị Thanh Hường	03 Phan Thành Tài, ĐN	G12	Giày dép	227,000	08/2025.
40	Nguyễn Thị Thùy Nga		K12	Giày dép	5,880,000	02/2023.
41	Phạm Dề		L12	Giày dép	5,880,000	02/2023.
42	Nguyễn Thị Thúy Nga		A22	Áo quần	5,880,000	02/2023.
43	Đỗ Thị Bích Hà		A32	Áo quần	6,060,000	02/2023.
44	Phạm Nữ Huỳnh Oanh		A42	Áo quần	4,968,000	01/2020.
45	Nguyễn Thị Thúy Nga		B22	Áo quần	5,880,000	02/2023.
46	Đoàn Thị Hoa		B42	mũ nịt	1,467,000	02/2023.
47	Nguyễn Thị Thúy Nga		C22	Áo quần	5,880,000	02/2023.
48	Trương Như Nam	Tổ 06, Ngũ Hành Sơn, ĐN	C42	Vải, Áo quần	1,135,000	12/2024.
49	Hoàng Mỹ Cát Trinh	83 Nguyễn Đức Cảnh, ĐN	A52	Áo quần	4,896,000	02/2020.
50	Đặng Thị Bảo		A62	Áo quần	5,940,000	02/2023.
51	Dương Hoài Linh		B52	Áo quần	708,000	02/2025.
52	Lương Thị Thanh Tâm		B62	Áo quần	5,880,000	02/2023.
53	Trần Thị Mỹ Khánh	Tổ 86 An Hải, ĐN	B72	Áo quần	4,199,500	09/2022.
54	Nguyễn Đức Trung	k91/37 Lê Tấn Trung, ĐN	B82	Áo quần	4,200,000	02/2023.
55	Dương Hoài Linh	Số 224 Hồ Nghinh, An Hải, ĐN	C52	Áo quần	708,000	02/2025.
56	Cao Thị Bích Thảo	Tổ 11A, Sơn Trà, ĐN	D52	Áo quần	4,200,000	02/2023.
57	Trương Thị Nhung		E52	Áo quần	4,740,000	02/2023.
58	Lê Thị Xuân Mai		H42	Áo quần	265,500	07/2025.
59	Lê Thị Xuân Mai		H52	Áo quần	265,500	07/2025.
60	Võ Thị Huyền	58 Hoàng Sỹ Khải, Tổ 19A An Hải, ĐN	K22	Giày dép	227,000	08/2025.
61	Phạm Thị Thúy Diễm (Út)	Số 18 Xuân Diệu, ĐN	L32	Áo quần	567,500	05/2025.
62	Huỳnh Thị Ly Sa		M72	Áo quần	5,328,000	08/2019.

63	Nguyễn Văn Thuận (Vinh)		N22	Áo quần	5,160,000	02/2023.
64	Trần Thị Anh (Vy)		N32	Áo quần	681,000	04/2025.
65	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		N52	Áo quần	6,060,000	02/2023.
66	Phạm Dề (Nga)		E22	Áo quần	5,880,000	03/2023.
67	Hồ Thị Phước	Tổ 27C An Hải, ĐN	E32	Áo quần	454,000	06/2025.
68	Phạm Thị Ái Thanh (Phước)	Tổ 12C An Hải, ĐN	F32	Áo quần	454,000	06/2025.
69	Mai Thị Quý (Phước)		G32	Mùng mền	454,000	06/2025.
70	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		C72	May mặc	6,060,000	02/2023.
71	Hồ Thị Phước	Tổ 27C An Hải, ĐN	D62	Áo quần	288,000	06/2025.
72	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		E62	Áo quần	5,940,000	02/2023.
73	Nguyễn Thị Nhi		F62	Áo quần	4,980,000	02/2023.
74	Phan Thị Minh		K62	May mặc	5,880,000	02/2023.
75	Lê Thị Hồng Xuyên		L72	May mặc	4,380,000	02/2023.
76	Trần Thị Tuyết		M82	May mặc	6,060,000	02/2023.
77	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		N62	May mặc	6,060,000	02/2023.
78	Phan Thị Mỹ Lệ	25 Đặng Vũ Hỷ, An Hải, ĐN	P12	May mặc	7,945,000	12/2019.

Chợ An Hải Bắc

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
1	Đặng Thị Minh Nhựt	Tổ 23, An Hải, ĐN	K01	Nhôm nhựa	3,216,000	05/2025.
2	Đặng Thị Minh Nhựt	Tổ 23, An Hải, ĐN	K02	Nhôm nhựa	3,216,000	05/2025.
3	Trương Thị Kim Cúc	142 Lý Đạo Thành, An Hải, ĐN	163	Bao bì	462,000	08/2025.
4	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	09 Đông Du, An Hải, ĐN	35	Giải khát	1,600,000	03/2025.
5	Ngô Thị Huệ	Tổ 76, An Hải, ĐN	41	Giải khát	1,600,000	03/2025.
6	Phan Thị Loại	K229/11A Ngô Quyền, Sơn Trà, ĐN	59	Hàng ăn	744,000	07/2025.
7	Trần Văn Châu	K24/11 Nguyễn Thế Lộc, An Hải, ĐN	68	Hàng ăn	744,000	07/2025.
8	Cái Thị Ánh	K24/11 Nguyễn Thế Lộc, An Hải, ĐN	69	Hàng ăn	744,000	07/2025.
9	Lê Thị Tuyết Sương	24 Tân Thái 1, Sơn	3	Rau hành	948,000	05/2025.

		Trà, ĐN				
10	Đặng Thị Lệ	36 Nại Nghĩa 7, Sơn Trà, ĐN	53	Cá	522,000	07/2025.
11	Nguyễn Thị Thu Hương	85 Đông Du, An Hải, ĐN	57	Cá	391,500	08/2025.
12	Võ Thị Kim Nga	Tổ 50, An Hải, ĐN	70	Cá	600,000	07/2025.
13	Nguyễn Thị Kim Nhung	104 Lê Chân, Sơn Trà, ĐN	5	Áo quần	502,500	08/2025.
14	Nguyễn Thị Kim Nhung	104 Lê Chân, Sơn Trà, ĐN	6	Áo quần	502,500	08/2025.
15	Nguyễn Thị Kim Nhung	104 Lê Chân, Sơn Trà, ĐN	7	Áo quần	496,500	08/2025.
16	Lê Thị Thùy Linh	K20/38 Nguyễn Thế Lộc, Sơn Trà, ĐN	12	Áo quần	471,000	08/2025.
17	Lê Thị Thùy Linh	K20/38 Nguyễn Thế Lộc, Sơn Trà, ĐN	13	Áo quần	525,000	08/2025.
18	Lê Thị Thùy Linh	K20/38 Nguyễn Thế Lộc, Sơn Trà, ĐN	14	Áo quần	525,000	08/2025.
19	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	34	Áo quần	481,500	08/2025.
20	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	35	Áo quần	481,500	08/2025.
21	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	36	Áo quần	481,500	08/2025.
22	Trần Thị Hoa	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	42	Áo quần	642,000	07/2025.
23	Trần Thị Hoa	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	43	Áo quần	642,000	07/2025.
24	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	46	Áo quần	481,500	08/2025.
25	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	47	Áo quần	481,500	08/2025.
26	Lê Thị Diệu	65 An Hải 5, An Hải, ĐN	48	Áo quần	481,500	08/2025.
27	Trần Thị Hoa	93 Bùi Lâm, Sơn Trà, ĐN	58	Áo quần	642,000	07/2025.
28	Trần Thị Hoa	93 Bùi Lâm, Sơn Trà, ĐN	59	Áo quần	642,000	07/2025.
29	Trương Văn Phúc	84 Lê Phụng Hiểu, An Hải, ĐN	171	Trái cây	1,897,500	07/2024.
30	Trương Thị Thanh Nhân	84 Lê Phụng Hiểu, An Hải, ĐN	54	Gia vị	1,529,000	06/2024.
31	Đinh Thị Loan	Số 84 Lê Phụng Hiểu,	34	Thịt	1,650,000	06/2024.

		An Hải, ĐN				
32	Đinh Thị Loan	Số 84 Lê Phụng Hiểu, An Hải, ĐN	39	Thịt	1,650,000	06/2024.
33	Trương Thị Như Quy	Tổ 14A, An Hải, ĐN	50	Rau hành	4,174,500	12/2023.
34	Nguyễn Thị Thêm	Tổ 25, An Hải, ĐN	77	Cá	3,523,500	08/2023.
35	Đàm Thị Trinh		K19	Tạp hoá	2,300,000	06/2025.

Chợ An Hải Đông

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
1	Trần Thị Xuân		6	Ăn uống	6,791,400	05/2022.
2	Nguyễn Thị Ngọc Thủy		8	Ăn uống	5,659,500	12/2022.
3	Huỳnh Thị Cước		11	Trái cây	7,445,500	02/2021.
4	Huỳnh Thị Cước		8	Trái cây	3,828,000	06/2023.
5	Trương Xuân Ngọc		3	Thúng mùng	11,215,300	04/2020.
6	Phan Thị Quý		14A	Bún, mỳ ký	3,752,600	06/2023.
7	Tô Thị Thủy	Kiệt 87 H52/27C hoàng Văn Thái, ĐN	56	Hành tỏi	17,006,800	06/2018.
8	Nguyễn Thị Bé	K41/21 Đặng Thái Thân, Ngũ Hành Sơn, ĐN	1	Mũ nón	4,425,600	03/2023.
9	Trịnh Thị Minh Nguyệt		5	Áo quần	14,027,500	10/2016.
10	Trịnh Thị Minh Nguyệt		6	Áo quần	14,027,500	10/2016.
11	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	117 Phạm Cự Lượng, An Hải, ĐN	7	Áo quần	19,126,900	04/2014.
12	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	117 Phạm Cự Lượng, An Hải, ĐN	8	Áo quần	19,126,900	04/2014.
13	Đặng Thị Hải	03 An Thượng 36, Ngũ Hành Sơn, ĐN	11	Giày dép	5,827,500	02/2022.
14	Huỳnh Thị Mai	K45/86 K20 Ngũ Hành Sơn, ĐN	12	Giày dép	12,862,000	07/2017.
15	Nguyễn Thị Thu	05 Mỹ Đa Đông 6, Ngũ Hành Sơn, ĐN	13	Giày dép	5,593,500	03/2022
16	Nguyễn Thị Minh		17	Giày dép	11,129,500	06/2018.
17	Nguyễn Thị Cẩm Dung	238-240 Đỗ Bá, Ngũ Hành Sơn, ĐN	22	Áo quần	21,247,900	01/2014.
18	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	K88/30 Lương Thế Vinh, An Hải, ĐN	23	Áo quần	19,852,000	01/2014.

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
19	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	K88/30 Lương Thế Vinh, An Hải, ĐN	24	Áo quần	18,456,100	01/2014.
20	Đặng Thị Đào		29	Giày dép	7,937,500	12/2019.
21	Nguyễn Thị Cẩm Dung	238-240 Đỗ Bá, Ngũ Hành Sơn, ĐN	30	Áo quần	20,909,500	01/2014.
22	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	117 Phạm Cự Lượng, An Hải, ĐN	31	Áo quần	19,403,500	04/2014.
23	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	117 Phạm Cự Lượng, An Hải, ĐN	32	Áo quần	17,912,500	04/2014.
24	Hứa Ngọc Phương Thảo	16 An Hải Đông1, An Hải, ĐN	33	Áo quần	16,373,700	03/2015.
25	Hứa Ngọc Phương Thảo	16 An Hải Đông1, An Hải, ĐN	34	Áo quần	15,268,800	03/2015.
26	Đặng Thị Nhớ		37	Áo quần	10,401,500	12/2019.
27	Đặng Thị Nhớ		38	Áo quần	9,722,500	12/2019.
28	Đặng Thị Nhớ		39	Áo quần	9,153,900	06/2019.
29	Trần Thị Bình		40	Áo quần	17,187,200	11/2013.
30	Phan Thị Bích Thủy	02 An Thượng 21, Ngũ Hành Sơn, ĐN	44	Giày dép	13,941,500	05/2015.
31	Phan Thị Bích Thủy	02 An Thượng 21, Ngũ Hành Sơn, ĐN	45	Giày dép	14,429,500	10/2015.
32	Đỗ Thị Thúy Kiều		46	Áo quần	18,393,500	06/2015.
33	Đặng Thị Nhớ		49	Áo quần	9,153,900	06/2019.
34	Trần Thị Lý		51	Áo quần	12,398,500	04/2018.
35	Đỗ Thị Phụng		52	Áo quần	5,903,900	04/2022.
36	Trần Thị Diễm Trang		53	Giày dép	11,772,700	02/2017.
37	Võ Thị Thu Tuyết	1001 Ngô Quyền, An Hải, ĐN	55	Áo quần	18,689,500	04/2015.
38	Lê Thị Hồng Phượng	An Hải Đông 1, An Hải, ĐN	56	Áo quần	13,733,200	07/2017.
39	Lê Thị Hồng Phượng	An Hải Đông 1, An Hải, ĐN	57	Áo quần	12,772,900	07/2017.
40	Võ Thị Kiều Tiên		58	Áo quần	3,858,000	05/2023.
41	Trần Thị Lý		59	Áo quần	14,046,100	04/2017.
42	Võ Thị Thu Tuyết	1001 Ngô Quyền, An Hải, ĐN	60	Áo quần	12,374,300	12/2018.
43	Nguyễn Thị Nhiên		61	Áo quần	17,604,000	05/2015.
44	Nguyễn Thị Nhiên		62	Áo quần	16,366,500	05/2015.

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
45	Nguyễn Thị Kim Ngân	196/6 Bạch Đằng, Phước Ninh, ĐN	64	Áo quần	9,967,100	06/2019.
46	Nguyễn Thị Kim Thảo	An Hải Đông 1, An Hải, ĐN	67	Áo quần	12,777,400	05/2018.
47	Nguyễn Thị Nhân	P404 KCCCTO2, Hoà Thọ Đông, ĐN	69	Áo quần	14,120,300	08/2015.
48	Nguyễn Thị Thành		71	Áo quần	11,119,900	10/2017.
49	Nguyễn Thị Thành		74	Áo quần	11,119,900	10/2017.
50	Nguyễn Thị Đức Thương		84	May mặc	17,912,500	04/2014.
51	Nguyễn Thị Đức Thương		85	Vải	17,912,500	04/2014.
52	Đoàn Thị Thu Hạnh	H02/20 K467 Núi Thành, Hải Châu, ĐN	86	May mặc	3,496,500	08/2023.
53	Nguyễn Thị Thanh Hải	K24 Đặng Thái Thân, Ngũ Hành Sơn, ĐN	88	Vải	9,883,500	06/2019.
54	Huỳnh Thị Mẫn	Tổ 20 Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, ĐN	89	Vải	4,532,500	12/2022.
55	Võ Thị Huyền Trân	1001 Ngô Quyền, An Hải, ĐN	93	Mỹ phẩm	17,467,300	04/2015.
56	Trương Quang Thanh Vân	K82/20 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	94	Mỹ phẩm	5,698,000	03/2022.
57	Trương Quang Thanh Vân	K82/20 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	95	Mỹ phẩm	5,568,000	03/2022.
58	Hồ Thị Hồng Hoa	K98/42 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	96	Mỹ phẩm	3,626,000	07/2023.
59	Hồ Thanh Hùng	84A Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	97	Mỹ phẩm	8,588,500	04/2020.
60	Nguyễn Thị Minh		98	Mỹ phẩm	13,121,000	05/2017.
61	Nguyễn Thị Minh		99	Mỹ phẩm	13,121,000	05/2017.
62	Phan Thị Lự		1	Cá	9,477,900	10/2016.
63	Lê Thị Nhiều		11	Cá	4,103,100	12/2021.
64	Nguyễn Thị Cường		12	Cá	2,095,200	11/2023.
65	Lê Thị Bạ		15	Cá	3,055,500	12/2022.
66	Nguyễn Thị Xuân		16	Cá	11,747,700	08/2014.
67	Huỳnh Thị Trinh		2	Cá	9,827,100	06/2016.
68	Đặng Thị Nháy		3	Cá	7,993,800	03/2018.
69	Lương Thị Liên		38	Rau hành	13,506,900	05/2014.

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
70	Nguyễn Thị Lôu		40	Cá	4,427,400	12/2021.
71	Thiều Thị Thành		42	Cá	13,331,700	01/2014.
72	Phạm Thị Hương		44	Cá	2,543,400	08/2023.
73	Trương Thị Châu		46	Cá	8,857,100	09/2017.
74	Nguyễn Thị Phượng		47	Cá	8,403,100	02/2018.
75	Nguyễn Thị Lê	Hà Bản, Điện Bàn Đông, ĐN	5	Cá	12,446,100	12/2013.
76	Phạm Thị Mười		50	Rau hành	4,360,800	01/2022.
77	Trần Thị Diễm Phúc		52	Rau hành	3,033,600	03/2023.
78	Phạm Thị Hồng Hạnh		53	Rau hành	7,687,700	12/2018.
79	Phạm Thị Hồng Hạnh		54	Rau hành	7,827,100	12/2018.
80	Vũ Cao Hưng		55	Đậu khuôn	4,235,900	09/2019.
81	Huỳnh Thị Dương		58	Cá	12,943,500	12/2013.
82	Đặng Thị Nhung	18 An Hải Bắc 8, An Hải, ĐN	59	Cá	5,043,500	03/2021.
83	Huỳnh Thị Vân		6	Cá	2,007,900	12/2023.
84	Lê Thị Lành		8	Cá	4,365,000	09/2021.
85	Nguyễn Thị Phúc		9	Cá	4,103,100	12/2021.
86	Lê Thị Kim Liên		24	Rau hành	16,248,400	07/2016.
87	Phan Thị Quý		26A	Bún, mỳ kí	7,088,400	12/2017.
88	Nguyễn Lê Thu Vân		23	Giải khát	2.406.000	8/2024
89	Huỳnh Thị Hồng	K38/3 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	10	Giày dép	1.424.500	12/2024
90	Nguyễn Đình Ngọc Lan	K38/3 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	54	Giày dép	1.414.600	12/2024
91	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	K18/19 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	72	Vải	1.269.400	12/2024
92	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	K18/19 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	73	Vải	1.371.700	12/2024
93	Hứa Ngọc Phương Duyên	16 An Hải Đông 1, An Hải, ĐN	75	Vải	2.423.400	02/2024
94	Hứa Ngọc Phương Duyên	16 An Hải Đông 1, An Hải, ĐN	76	Vải	2.618.700	02/2024
95	Hồ Thị Tuyết	24 Dương Tụ Quán, Ngũ Hành Sơn, ĐN	78	Vải	2.276.300	06/2024
96	Hồ Thị Tuyết	24 Dương Tụ Quán, Ngũ Hành Sơn, ĐN	79	Vải	2.276.300	06/2024

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô	Ngành hàng	Số tiền nợ	Đã nộp đến tháng
97	Trương Quang Thanh Vân	K82/20 Nguyễn Duy Hiệu, An Hải, ĐN	92	Mỹ phẩm	3.042.600	01/2024
98	Phan Thị Hường		05	Rau hành	1.930.400	4/2024
99	Trần Thị Nhân		66	Mùng mèn	1.482.300	02/2025